TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **53**/2024/HNGĐ-ST
Ngày 20-5-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Minh Út

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Công Đẳng

Ông Trịnh Hữu Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Anh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 20 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị K, sinh năm 1985 (xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Cùng cư trú: Ấp 7, xã H, huyện M, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Trần Thị K trình bày:

Về hôn nhân: Chị Trần Thị K và anh Nguyễn Văn C tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện M, tỉnh Cà Mau vào ngày 11/02/2011. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và trong tính toán làm ăn; anh C thường xuyên ghen tuông vô cớ và dùng những lời lẽ xúc phạm chị K dẫn đến mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn và ly thân nhau từ năm 2022 cho đến nay. Nay chị K yêu cầu ly hôn với anh C.

Về con chung: Vợ chồng có được 02 người con chung tên Nguyễn Khánh D (nam), sinh ngày 15/02/2006 và Nguyễn Thúy N (nữ), sinh ngày 10/3/2007; hiện nay chị K đang trực tiếp nuôi dưỡng các con chung. Sau khi ly hôn, chị K yêu cầu xem xét theo nguyện vọng của các con chung, trường hợp con chung có nguyện vọng sống chung với chị K thì chị K tiếp tục nuôi dưỡng và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Văn C đúng theo quy định pháp luật, nhưng anh C không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 07/3/2024, nguyên đơn chị Trần Thị K có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt đúng theo quy định pháp luật; bị đơn anh Nguyễn Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên xem như từ bỏ quyền của mình tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị K và anh C.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị K và anh Nguyễn Văn C tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện M, tỉnh Cà Mau vào ngày 11/02/2011 đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị K và anh C được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp và bảo vệ.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị K, thấy rằng: Hiện nay chị K không còn tình cảm yêu thương anh C và quyết tâm mong muốn được ly hôn. Đồng thời, chị K khẳng định đời sống hôn nhân không thể duy trì, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn đoàn tụ. Trường hợp tiếp tục chung sống với anh C sẽ không mang lại hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị K được ly hôn với anh C.

[4] Về nuôi con chung: Chị K và anh C có 02 người con chung tên Nguyễn Khánh D (nam), sinh ngày 15/02/2006 và Nguyễn Thúy N (nữ), sinh ngày 10/3/2007; hiện nay các con chung đang sống chung với chị K. Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, con chung Khánh D đã trưởng thành, có đầy đủ khả năng nhận thức và điều kiện phát triển về thể chất bình thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Tại văn bản ngày 15/02/2024 thể hiện Thúy N có nguyện vọng sống chung với chị K. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay, anh C không có văn bản thể hiện ý kiến về quyền nuôi con. Cho nên để bảo đảm quyền lợi của con chung sau khi ly hôn, Hội đồng xét xử xem xét trên cơ sở ý chí nguyện vọng của con chung và điều kiện nuôi dưỡng con sau khi ly hôn của chị K vẫn bảo đảm, cuộc sống ổn định nên cần giao cháu Thúy N cho chị K tiếp tục nuôi dưỡng. Anh C không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị K không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của chị K.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị K ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thúy N (nữ), sinh ngày 10/3/2007 cho chị Trần Thị K tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi Nguyễn Thúy N đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Hội đồng xét xử không xem xét về việc cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn C không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị K và anh Nguyễn Văn C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Ngày 22/01/2024, chị Trần Thị K đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại Biên lai số 0006184 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- UBND xã L, huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Dương Minh Út